

## XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HÓA SINH THÁI NHÂN VĂN TRONG ĐIỀU KIỆN ĐÔ THỊ HÓA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ THANH MAI (\*)

*Trong mối quan hệ với môi trường sống, con người vừa là chủ thể, vừa là khách thể. Hoạt động của con người có tác động quan trọng đến môi trường sinh thái. Với tư cách là một khía cạnh của ý thức xã hội, ý thức sinh thái có vai trò to lớn trong việc bảo vệ môi trường sống. Ý thức sinh thái phản ánh tồn tại sinh thái (chính thể tự nhiên vận hành theo quy luật tự điều chỉnh). Tuy nhiên, con người đã tác động đến chính thể đó, làm cho khả năng tự điều chỉnh của tự nhiên bị xáo trộn, gây ra sự biến đổi các điều kiện sống của con người. Bài viết đề cập đến việc xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn trong điều kiện đô thị hóa để con người có ý thức đúng trong việc ứng xử với môi trường sống.*

Vào nửa cuối của thế kỷ XIX, Ph.Ăngghen đã cảnh báo nguy cơ tự nhiên sẽ “trả thù” con người và chỉ ra cho nhân loại thái độ ứng xử nhân văn với tự nhiên. Ông viết: “Chúng ta hoàn toàn không thể thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác..., tất cả sự thống trị của chúng ta với giới tự nhiên là ở chỗ chúng ta khác với tất cả các sinh vật khác, là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác”(1).

Môi trường sinh thái và bảo vệ môi trường sinh thái là một trong những vấn đề toàn cầu. Ở nước ta hiện nay, cùng với việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thì đô thị hóa cũng diễn ra một cách mạnh mẽ và nhanh chóng. Quá trình này cũng có nhiều tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái nếu như nó không được nhận

thức đúng và kiểm soát tốt. Do đó, việc xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn để con người ứng xử ngày càng tốt hơn với môi trường là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

### 1. Đô thị hóa ở Việt Nam và những ảnh hưởng của nó đến môi trường sinh thái

Đô thị hóa là một yêu cầu tất yếu khách quan để xã hội phát triển. Trên thế giới, quá trình đô thị hóa được tiến hành từ lâu ở một số trung tâm văn hóa lớn. Đến đầu thế kỷ XX, quá trình này phát triển nhanh và có quy mô rộng khắp toàn cầu. Đặc điểm của quá trình đô thị hóa là diễn ra ngày càng nhanh, ngày càng hiện đại và theo nhiều hình thức, như sự mở rộng, hoàn thiện các đô thị nhỏ; biến đổi các vùng nông thôn,

(\*) Tiến sĩ, Trưởng khoa Lý luận chính trị và Khoa học cơ bản, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.21. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.655.



các vùng kém phát triển thành các đô thị mới hoặc là quá trình đô thị hóa nông thôn...

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ở Việt Nam quá trình đô thị hóa cũng đã và đang diễn ra mạnh mẽ và với tốc độ nhanh. Đô thị hóa đã có tác động tích cực đến sự phát triển của đất nước trên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực; tuy nhiên, quá trình này cũng bộc lộ những hạn chế nhất định, đòi hỏi phải có biện pháp giải quyết kịp thời.

Quá trình đô thị hóa ở nước ta còn thiếu sự quy hoạch tổng thể và lâu dài. Các đô thị hình thành và phát triển chủ yếu vẫn theo hướng tự phát, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng dân dụng. Cụ thể là số nhà dân tại đô thị xây dựng mới không có giấy phép chiếm tỷ lệ lớn, xây nhà một cách tùy tiện, không theo quy hoạch đã dẫn đến phá vỡ cảnh quan tự nhiên, nhiều nơi còn xâm hại đến các di tích lịch sử, văn hóa.

Nhịp độ đô thị hóa không tương xứng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Đô thị hóa chưa được tiến hành một cách đồng bộ và đầy đủ. Việc xây dựng nhà trường không được tiến hành một cách đồng bộ với việc xây dựng và hoàn thiện các công trình vui chơi, giải trí, nghỉ ngơi. Đặc biệt, việc xây dựng các công trình thuộc hạ tầng cơ sở, như mạng lưới điện, đường xá, cầu cống, các công trình vệ sinh đô thị (cấp thoát nước, xử lý rác thải)... chưa được coi trọng đúng mức, dẫn đến mức độ ô nhiễm môi trường đô

thị ở nước ta ngày càng nghiêm trọng và có xu hướng gia tăng.

Quá trình đô thị hóa tương đối nhanh đã có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đến sự cân bằng sinh thái. Tài nguyên đất bị khai thác để xây dựng đô thị ngày càng nhiều, làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước, gây ra tình trạng ngập úng. Nhu cầu nước để phục vụ sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ ngày càng tăng đã làm suy giảm nguồn tài nguyên nước; nhiều xí nghiệp, nhà máy gây ô nhiễm môi trường; việc mở rộng không gian đô thị dẫn đến tình trạng chiếm dụng đất nông nghiệp, ảnh hưởng đến việc bảo đảm an toàn lương thực quốc gia và đời sống nhân dân vùng ngoại thành; sản xuất công nghiệp phát triển mạnh làm phát sinh một lượng lớn chất thải, trong đó có những chất thải độc hại đối với đời sống của con người và môi trường; sự bùng nổ các phương tiện giao thông cơ giới đã gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn nghiêm trọng; đô thị hóa còn làm tăng dòng người di dân từ nông thôn ra thành thị, gây nên áp lực lớn về nhà ở và vệ sinh môi trường, hình thành các khu nhà “ổ chuột” và khu nghèo đô thị.

Do quá trình làng thành phố, người nông dân bỗng chốc trở thành người thành phố, nên dân số đô thị có nguồn gốc xuất thân từ nông thôn chiếm số lượng lớn, hầu hết những người này vẫn còn mang nặng lối sống, nếp sống của người sản xuất nhỏ, tiểu nông. Lối sống



tự do, tùy tiện, thiếu tổ chức, kỷ luật, sự suy nghĩ thiếu cặn, được chằng hay chớ vẫn còn tồn tại tương đối phổ biến ở họ. Điều đó được biểu hiện trong tư duy, trong hành vi ứng xử giữa người với người và giữa con người với thiên nhiên, môi trường.

Sẽ là không đầy đủ nếu chúng ta chỉ đề cập đến vấn đề môi trường tự nhiên do tác động của quá trình đô thị hóa, mà bỏ qua một thực trạng đáng lo ngại khác ở nước ta, đó là sự ô nhiễm môi trường xã hội.

Môi trường xã hội bao gồm các mối quan hệ giữa người với người và những hoạt động của con người diễn ra trong môi trường đó. Các đô thị có đặc điểm là tập trung đông dân cư, tỉ lệ người ngoại tỉnh, ngoại vùng đến làm ăn lớn nên các tệ nạn xã hội, như nghiện ma túy, mại dâm, cờ bạc, cướp giật, trộm cắp... diễn ra ở các đô thị dưới nhiều hình thức và mức độ phức tạp khác nhau đã làm mất mỹ quan đô thị, gây ô nhiễm môi trường xã hội.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng ô nhiễm môi trường tại các đô thị là do vấn đề bảo vệ môi trường chưa được đề cập đầy đủ và quan tâm đúng mức trong quy hoạch xây dựng đô thị. Ngoài việc quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng, các vấn đề cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị như hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác, xử lý nước thải, làm giảm ô nhiễm không khí và tiếng ồn... chưa được chú ý đúng mức. Mặc dù việc lập báo cáo đánh giá tác động đến môi trường cho các đồ án quy

hoạch đô thị đã được quy định rõ trong “*Luật Bảo vệ môi trường*” nhưng trên thực tế, việc triển khai thực hiện vẫn còn chậm, mang nặng tính hình thức, chưa có hiệu quả và chưa chứng tỏ được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong quy hoạch xây dựng đô thị.

Các đô thị ở nước ta phải chịu sức ép môi trường ngày càng tăng còn do chúng ta vẫn thiếu các biện pháp hữu hiệu trong chỉ đạo và quản lý quy hoạch xây dựng. Tình trạng xây dựng lộn xộn tại các đô thị là vấn đề bức xúc đòi hỏi những biện pháp quản lý cấp bách và có hiệu quả, nếu không làm được điều này thì cái giá phải trả cho việc giải quyết hậu quả môi trường sẽ rất lớn và phức tạp. Cho nên, công tác quản lý đô thị là một yếu tố then chốt trong việc xây dựng các đô thị bền vững và hòa hợp với môi trường ở nước ta hiện nay cũng như trong tương lai.

Một nguyên nhân nữa là chế tài của việc xử phạt những hành vi vi phạm *Luật Bảo vệ môi trường* chưa đủ mạnh để ngăn chặn và răn đe đối với các cơ quan, xí nghiệp, cá nhân thiếu ý thức bảo vệ môi trường, có những hành vi gây tổn hại đến môi trường sinh thái.

Sự phân tích ở trên đã cho thấy, quá trình đô thị hóa ở nước ta có ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái nhân văn.

*Thứ nhất*, đô thị hóa làm biến đổi các hoạt động của con người trên mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội, làm cho cuộc sống của con người ngày càng phong phú, giúp con người phát triển cân bằng, toàn diện trong môi trường tự



nhiên và xã hội

*Thứ hai*, đô thị hóa làm biến đổi mạnh mẽ và sâu sắc các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, giữa con người với con người. Trong quá trình đô thị hóa, con người đã tạo ra cho mình một môi trường sống mới – môi trường đô thị với những tạo phẩm văn hóa nằm đan xen giữa những tạo phẩm thiên nhiên (môi trường tự nhiên). Con người sẽ không thích nghi với môi trường mới ấy nếu như không thay đổi lối sống, nếp sống cũ, đặc biệt là với cư dân đô thị ở những nước đang phát triển, mới tiến hành quá trình đô thị hóa như nước ta hiện nay.

*Thứ ba*, đô thị hóa làm biến đổi cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Sự biến đổi ấy có cả mặt tích cực lẫn mặt tiêu cực, đó là làm ô nhiễm môi trường (tự nhiên và xã hội), gây mất cân bằng sinh thái. Vì vậy, bên cạnh việc thực hiện quá trình đô thị hóa, cần thiết phải tạo dựng cho mọi người nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn - nhận thức, hành vi và ứng xử với môi trường theo đúng quy luật của nó và thân thiện với nó.

### 2. Xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn trong điều kiện đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay

Trong những thập niên gần đây, vấn đề văn hóa sinh thái đã được các nhà khoa học tiếp cận nghiên cứu dưới nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau để có thể tìm ra những biện pháp hữu hiệu nhất nhằm bảo vệ môi trường sống cho quá trình phát triển xã hội.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác – Lênin đã có những đóng góp quan trọng mang tính nền tảng cho việc nghiên cứu và giải quyết vấn đề sinh thái hiện đại. Ngay từ năm 1844, trong “*Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*”, C.Mác đã chỉ ra rằng, con người, xã hội và giới tự nhiên nằm trong hệ thống thống nhất, trong đó giới tự nhiên là nguồn gốc hình thành con người, “tự nhiên là thân thể vô cơ của con người”(2), là môi trường sống của con người. Từ đó, C.Mác đã sớm cảnh báo về những nguy cơ do hành vi ứng xử thiếu văn hóa của con người đối với giới tự nhiên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của giới tự nhiên và xã hội loài người.

Trong tác phẩm “*Biện chứng của tự nhiên*”, Ph.Ăngghen cũng đã nói đến mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên. Ông cũng nêu lên sự khác nhau giữa loài người với loài vật trong mối quan hệ thích nghi, biến đổi với môi trường tự nhiên. Không chỉ nêu lên điểm khác nhau căn bản giữa con người với loài vật thể hiện ở chỗ hoạt động của con người là hoạt động có ý thức, Ph.Ăngghen còn lường trước được những hậu quả sẽ xảy ra và cảnh báo rằng “không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta với giới tự nhiên”; bởi vì, “mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta”(3). Tiếc

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.42. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.135.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.21. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.654.



ràng, sự cảnh tỉnh đó của các ông trong một thời gian dài đã không được con người – xã hội quan tâm một cách đầy đủ. Vì vậy, mà hiện nay, chúng ta đang bị tự nhiên “trả thù”.

Có thể nói, nghiên cứu khía cạnh nếp sống văn hóa sinh thái (với tư cách một nội dung của ý thức xã hội) trong quan hệ với tự nhiên, từ đó đưa ra những nguyên tắc chung cho hoạt động của con người, làm cho mỗi suy nghĩ, hành động, việc làm của mỗi người dân trở thành những thói quen, những tập quán, những cách ứng xử tốt với môi trường sinh thái là cần thiết. Những thói quen, tập quán, cách ứng xử thân thiện với môi trường phải ăn sâu vào nếp nghĩ, hành động, việc làm của mỗi cư dân đô thị, hình thành nên ý thức tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên. Muốn vậy, chúng ta phải xây dựng được nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn.

Vậy nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là gì? Để hiểu vấn đề này, chúng ta cần làm rõ một số khái niệm sau

Trước hết, cần tìm hiểu khái niệm lối sống. *Lối sống* là hoạt động của con người trên mọi phương diện, từ lao động, sinh hoạt, các hoạt động chính trị, xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao... Về bản chất, lối sống gắn liền với giá trị văn hóa tinh thần của con người, nó là những cách thức, phép tắc tổ chức và điều khiển đời sống cộng đồng đã được thừa nhận rộng rãi thành các quy tắc, chuẩn mực chung. Lối sống là một thói quen có định

hướng, có chất lượng lý tưởng, là phương cách thể hiện tất cả các cấu trúc, nền văn hóa, đặc trưng văn hóa của một cộng đồng. Lối sống không chỉ là hành vi như cách ăn mặc, đi lại, mà còn bao gồm tư duy, cách làm việc và phương thức xử lý các mối quan hệ.

Khái niệm *nếp sống* có phạm vi hẹp hơn khái niệm lối sống. *Nếp sống* bao gồm những cách thức, hoạt động và suy nghĩ, những quy ước được lặp đi lặp lại hàng ngày thành thói quen, như tập quán sản xuất, sinh hoạt, lễ nghi, phong tục, trong hành vi đạo đức, pháp luật. Nếp sống là mặt ổn định và là chiều sâu của lối sống. Nó bao gồm tất cả những cách thức làm ăn, sinh sống, suy nghĩ, đối xử... đã được mọi người trong xã hội thừa nhận, đều làm như thế, truyền cho thế hệ sau, được lặp lại thành thói quen xã hội, thành phong tục tập quán, thành lễ chế, luân lý, pháp luật của xã hội, của cá nhân.

Nếp sống là những khuôn mẫu hành vi đã định hình ở một cá nhân hay cộng đồng người. Trong môi trường sống cụ thể, nếp sống được hình thành như hệ thống chuẩn mực chung được thừa nhận rộng rãi thành thói quen và người ta cứ theo đó mà thực hiện các hành vi ứng xử một cách tự nhiên.

Lối sống và nếp sống khác nhau ở chỗ, lối sống nói lên tính định hướng, định tính. Xã hội nào có lối sống ấy. Nếp sống nói lên tính định hình, định lượng.

Theo đó, có thể hiểu “nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là tình yêu đối với thiên nhiên, sống hòa hợp với tự



nhiên, luôn tôn tạo và bảo vệ vẻ đẹp và sự trong sạch của thiên nhiên”(4).

Như vậy, nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn có mặt trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người, từ sản xuất, kinh doanh, thương mại, kiến trúc, xây dựng đến những sinh hoạt đời thường, như vui chơi, giải trí, thưởng thức nghệ thuật. Nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn được thể hiện trong lối tư duy sinh thái, trong hành vi ứng xử cụ thể của con người đối với thiên nhiên.

Vai trò của nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn:

Với tư cách một hình thức biểu hiện của ý thức xã hội, nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là cơ sở điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Trong thực tế, trong mối quan hệ này, từ trước cho đến nay, các hoạt động của con người hầu hết chưa tính toán đầy đủ những quy luật tồn tại và phát triển của tự nhiên. Vì lẽ đó mà nhân loại đã phải trả giá. Đó chính là sự mất đi của các nền văn minh như Maya, Ai Cập, Lưỡng Hà. Sự suy sụp của các nền văn minh này do nhiều nguyên nhân, song cũng có một nguyên nhân là từ sự ứng xử của con người với môi trường tự nhiên – sự khai thác và tác động quá mức của con người với môi trường tự nhiên. Muốn bảo vệ môi trường sinh thái, đòi hỏi con người phải nhận thức được quy luật tự nhiên và có thái độ ứng xử phù hợp với nó – không làm trái quy luật tự nhiên. Để thích ứng với môi trường tự nhiên, con người phải thay đổi nhận thức và ứng

xử với tự nhiên, hình thành nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn, với những tình cảm, niềm tin, thói quen đúng đắn.

Nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là cơ sở để con người kiểm soát, điều chỉnh những hành vi của mình trong mối quan hệ với tự nhiên. Trong quá trình sản xuất vật chất, con người đã khai thác bừa bãi và sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên sẵn có của thiên nhiên, làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên. Cũng trong sản xuất và tiêu dùng của xã hội đã thải vào môi trường quá nhiều chất độc hại, gây ô nhiễm môi trường. Sản xuất xã hội đã làm cho con người và xã hội gắn bó với tự nhiên, những cũng chính nó lại khiến con người và xã hội có nguy cơ trở thành yếu tố đối lập với tự nhiên. Do đó, ứng xử có văn hóa đối với môi trường sinh thái trong sản xuất là ngoài việc khai thác, lợi dụng tự nhiên, con người cần chú ý đến việc tái tạo thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Đối với các nguồn tài nguyên tái tạo được như đất, nước, rừng, động thực vật... cần khai thác có kế hoạch, tiết kiệm. Đối với nguồn tài nguyên không tái tạo được như khoáng sản thì việc tái chế các chất thải khó khăn hơn, cần xây dựng chu trình sản xuất khép kín, đưa sản xuất xã hội hòa nhập vào chu trình sinh học. Sinh thái hóa nền sản xuất xã hội vừa đạt được mục tiêu kinh tế (tiết kiệm tài nguyên,

(4) Trần Lê Bảo, Vũ Minh Tâm, Phạm Thị Ngọc Trâm. *Văn hóa sinh thái nhân văn*. Nxb Sư phạm Hà Nội, 2001, tr.196.



không gây ô nhiễm môi trường, giảm chi phí cho khắc phục vấn đề môi trường, cho việc chăm sóc sức khỏe con người do ô nhiễm môi trường gây nên), vừa đạt được mục tiêu sinh thái thể hiện ở việc bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống. Tất cả điều đó chỉ đạt được khi con người có được những tri thức về sinh thái và biến những tri thức đó thành hành động, việc làm thường xuyên, liên tục, có mục đích và có văn hóa.

Xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là cơ sở để phát triển xã hội, góp phần tạo lập sự tiến bộ, công bằng xã hội. Xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn sẽ giúp con người tự giác thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, tự giác thực hiện việc khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Về đạo đức, nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là cơ sở để con người điều chỉnh hành vi đạo đức của mình trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội; giúp con người xây dựng được nếp sống tích cực trong điều kiện phát triển mới của xã hội.

Nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là điều kiện để con người nhận ra được những giá trị thẩm mỹ của tự nhiên, từ đó thêm yêu quý tự nhiên, tôn trọng và bảo vệ nó. Ý thức thẩm mỹ và ý thức đạo đức sinh thái là cái vốn có của con người, được thể hiện ở tình yêu thiên nhiên, ở lối sống hài hòa, gắn bó với thiên nhiên. Song, do nhu cầu xã

hội và vì mục tiêu kinh tế, ý thức sinh thái đó dần bị phai nhạt. Loài người đã sai lầm khi coi tự nhiên như một kho tài nguyên vô tận có thể mặc sức khai thác, biến tự nhiên thành bãi rác khổng lồ, đổ vào đó mọi chất thải của quá trình sản xuất và tiêu dùng.

Về góc độ chính trị, xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là cơ sở để con người thực hiện sự công bằng về lợi ích trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Vì vậy, giáo dục ý thức sinh thái, xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là cơ sở quan trọng để phát triển xã hội

### **3. Phương hướng nhằm xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn và giải pháp để thực hiện trong quá trình đô thị hóa ở nước ta**

*Một là*, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường, thực hiện *Luật Bảo vệ môi trường* cho mọi tầng lớp dân cư. Coi việc giáo dục ý thức sinh thái, hình thành nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là một trong những nội dung quan trọng của sự nghiệp giáo dục con người.

*Hai là*, cần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, năng lực tham mưu về công tác bảo vệ môi trường và xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn.

*Ba là*, có kế hoạch làm tốt công tác điều tra, hiểu rõ tình hình môi trường dưới tác động của quá trình đô thị hóa, từ đó có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời sự tác động tiêu cực của nó.



*Bốn là*, có quan điểm đúng đắn về tự nhiên, về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Xác định rõ tầm quan trọng của môi trường sống, trong đó có môi trường xã hội. Ô nhiễm môi trường xã hội không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội, mà còn là vấn đề sinh thái - xã hội.

*Năm là*, trong việc thực hiện đô thị hóa, cần coi trọng vấn đề quy hoạch đô thị; trong đó, chú ý tới tính đồng bộ, tính khả thi, tầm nhìn của chương trình quy hoạch. Thực hiện đô thị hóa nhanh chóng nhưng cần chú ý đến chất lượng, tránh chạy theo số lượng.

Để xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn cho con người, đặc biệt là người dân ở các đô thị, cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho cư dân đô thị về vấn đề môi trường sinh thái nhân văn. Có chế độ thưởng, phạt nghiêm minh đối với các địa phương, các ngành, các đơn vị sản xuất, các cá nhân để nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, làm cho họ nhận thức rằng bảo vệ môi trường không chỉ là bảo vệ thiên nhiên mà còn để phát triển sản xuất, để bảo vệ cuộc sống trong sạch, lành mạnh của con người và xã hội loài người. Để làm tốt công tác này đòi hỏi có sự đóng góp và quan tâm của toàn xã hội, đặc biệt là ngành văn hóa: Thông tin, tuyên truyền, vận động, tổ chức các phong trào như “xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp”, xây dựng các “khu phố văn hóa”, “gia đình văn hóa”, vận động xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

*Thứ hai*, giáo dục nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn một cách có hệ thống và đưa vào nội dung giáo dục trong tất cả các bậc học ở nước ta. Việc giáo dục nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn đòi hỏi người lớn, những người giáo dục phải là tấm gương cho thế hệ trẻ.

*Thứ ba*, kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống kết hợp với tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại để xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn.

Có thể khẳng định rằng, để xây dựng được nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn trong điều kiện đô thị hóa thì cư dân đô thị phải thay đổi nhận thức về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, chuyển từ hành vi chinh phục, thống trị tự nhiên sang *sống hài hòa, thân thiện với tự nhiên, tích cực bảo vệ môi trường sống*. Mọi suy nghĩ và hành vi của con người phải hướng tới mục tiêu phát triển bền vững không chỉ trong hiện tại mà cả trong tương lai: “Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng và bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”(5) và “bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân”(6). Ý thức trân trọng và bảo vệ môi trường sống là một nét văn hóa trong nếp sống mới, tiến bộ của con người hiện đại. □

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.99.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Sdd., tr.78.